

# Vị nhân sinh trong một số công trình văn hóa tại TP.HCM

People element infused in ho chi minh city cultural architecture

> TS.KTS VŨ THỊ HỒNG HẠNH, NGUYỄN LÊ TUYẾT NHI

Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM

## TÓM TẮT

Kiến trúc Vị nhân sinh (VNS) với các mục tiêu xây dựng, đặc điểm về hình thức, chức năng và ý nghĩa nhân văn hiện nay đang nhận được nhiều sự quan tâm và phổ biến ứng dụng, đặc biệt trong thiết kế xây dựng và cải tạo các công trình văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân. Nghiên cứu xây dựng khung tiêu chí và áp dụng vào phân tích, đánh giá yếu tố VNS trong công trình văn hóa (CTVH) ở trung tâm hiện hữu 930 ha thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Kết quả nghiên cứu bàn luận về định hướng phát triển yếu tố VNS trong thực tiễn xây dựng, cải tạo CTVH ở trung tâm đô thị TP.HCM.

**Từ khóa:** Vị nhân sinh; cộng đồng; văn hóa; công trình văn hóa; Sài Gòn, TP.HCM.

## ABSTRACT

Architecture for People (AfP), with people-oriented construction objectives, spatial and architectural characteristics and humorous meanings is currently receiving much attention in architecture design training and professional practices, especially in new development and renovation of cultural building projects that serve the communities' social cultural activities. This research develops a framework and applies it to the analysis and assessment of AfP elements in existing cultural buildings in the 930ha city center of Saigon Ho Chi Minh City (HCMC). The research discusses the positive improvement of the AfP elements and impacts of both existing and new development of cultural building on local social, cultural and environmental contexts of Ho Chi Minh city.

**Keywords:** Architecture for People; community; culture; cultural architecture; Saigon, Ho Chi Minh City.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiến trúc là một ngành khoa học kỹ thuật và nghệ thuật, nền tảng phát triển của xã hội. Sản phẩm vật chất này là bộ mặt của cả

thành phố. Kiến trúc kết hợp với cảnh quan xung quanh sẽ tạo nên sự đa dạng, phong phú góp phần cho sự phát triển kinh tế, môi trường và văn hóa cùng các chức năng phục vụ con người và vì con người - yếu tố VNS luôn hàm chứa trong kiến trúc.

Kiến trúc VNS thường được nhìn nhận là các thể loại kiến trúc hướng đến phục vụ nhu cầu của các nhóm cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn, khai thác các đặc trưng địa phương, thường vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện đặc biệt hơn là các trung tâm đô thị. Phải chăng, do hội nhập đa dạng các nền văn hóa khác nhau nên Kiến trúc nói chung và CTVH nói riêng trong các đô thị thường sẽ thiếu vắng hoặc mờ nhạt yếu tố VNS? Để trả lời cho câu hỏi, ta cần nhận dạng các yếu tố VNS tồn tại trong các CTVH trong đô thị một cách hệ thống và khoa học để tránh những lầm tưởng hoặc gán ghép thiếu cơ sở.

Bài viết tiến hành nghiên cứu 22 CTVH trong khu vực trung tâm đô thị hiện hữu trên 930 ha tại TP.HCM để hiểu rõ các yếu tố VNS trong thể loại kiến trúc đô thị này. Từ đó có những đề xuất ứng xử góp phần bổ sung, nhấn mạnh các yếu tố VNS tích cực cần thiết trong bối cảnh xây dựng, cải tạo CTVH hiện nay.

### 2. VNS TRONG CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC NÓI CHUNG VÀ CTVH NÓI RIÊNG TẠI TP.HCM

Chủ đề về kiến trúc vì con người tuy là một chủ đề không mới nhưng đã có khoảng thời gian bị chính con người lãng quên vì mãi mê trong sự phát triển các thành tựu công nghệ, kỹ thuật xây dựng hiện đại. Mãi đến những năm gần đây, khi con người được sống, được chứng kiến và tích lũy cho mình những kinh nghiệm thực tế trong khoảng thời gian dài về kiến trúc - đô thị thì phương thức tư duy đã có sự thay đổi, đề ra những định hướng, nghiên cứu khoa học mới hướng về giá trị xã hội tốt đẹp cho con người trong kiến trúc và cộng đồng.

VNS lần đầu tiên được gọi tên trong lĩnh vực kiến trúc - đô thị vào năm 1956 trong bài phát biểu về "Đô thị cho con người" của Jane Jacobs tại Hội thảo tại Đại học Harvard - Hoa Kỳ, đã đưa ra một cách nhìn mới về phát triển đô thị dựa trên nhu cầu, mong muốn người dân đồng thời đề cao vai trò của đa dạng hoạt động tiện ích thường nhật. Bài phát biểu có sức ảnh hưởng lớn tới các quan niệm, tiền đề phát triển cho những nghiên cứu mang tên "Vị nhân sinh" sau này. [3]

Trên thực tế, những biểu hiện về VNS trong kiến trúc và đô thị vốn đã xuất hiện và tồn tại từ rất lâu. Nhìn vào tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, ngay từ thế kỷ V, IV trước Công nguyên, triết gia Hippodamus được coi là những người đầu tiên đưa ra ý tưởng xây dựng đô thị "Thành phố mới của Rhodes". Từ các quan niệm quy hoạch đô thị lý tưởng thời Platon, Aristote ở Hy Lạp cho đến thời kỳ Phục Hưng ở Ý; các mô hình đô thị không tưởng như "Đô thị bình

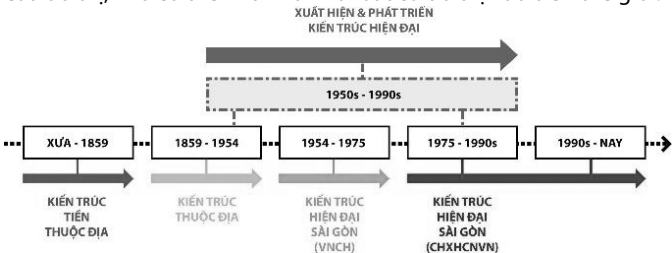
đang tuyệt đối” của Thomas Moore thế kỷ XVI, “Đô thị hợp tác xã” của Robert Owen, “Đô thị tập đoàn” của Charles Fourier thế kỷ XIX hoặc mô hình đô thị vườn kết hợp nông thôn với đô thị - “Garden-cities of tomorrow” của Ebenezer Howard, đô thị hiện đại với dự án “Tái thiết Paris” của nhà quy hoạch Haussmann, “Tòa nhà chọc trời trong công viên” của Le Corbusier, hay “Hình ảnh của đô thị” của Kevin Lynch, “Đô thị Vị nhân sinh” của Jan Gehl,... đều cho thấy con người luôn là trung tâm điều khiển các hoạt động và mối quan tâm liên tục của con người với môi trường đô thị. [3], [5]

Trong tiến trình phát triển kiến trúc hướng đến việc đáp ứng các nhu cầu và giá trị cảm nhận của con người, các KTS bậc thầy trên thế giới đã có cho mình những lối thiết kế kiến trúc mang đặc trưng riêng nhằm hiện thực hóa thế giới quan của chính họ về một kiến trúc lý tưởng dành cho con người - chủ đầu tư và là người sử dụng, cảm nhận kiến trúc - đô thị. Thông qua các kiến trúc này cho thấy sự đa dạng trong kiến trúc lẫn nhận thức mỗi cá nhân, góp phần giúp kiến trúc ngày càng trở nên nhân văn và phong phú.

**2.1. VNS và CTVH tại Sài Gòn - TP.HCM**

Trong lĩnh vực kiến trúc, CTVH đã xuất hiện từ rất sớm trên thế giới, từ năm 4000 TCN cho đến ngày nay, đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển từ giai đoạn kiến trúc truyền thống, giai đoạn kiến trúc hiện đại đến giai đoạn kiến trúc đương đại cùng đa dạng hình thức kiến trúc khác nhau. Việt Nam, với truyền thống văn hóa lâu đời, cũng có sự xuất hiện của các CTVH, nhưng sự quan tâm và phát triển trong lĩnh vực này vẫn chưa nhiều mãi cho đến khi người dân bắt đầu nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của chúng, các công trình mới bắt đầu được hình thành nhiều hơn, nhưng so với các nền văn hóa khác trên Thế giới, CTVH ở Việt Nam diễn ra trong tiến trình chung vẫn còn chút chậm trễ.

Kiến trúc - đô thị TP.HCM có bề dày 300 năm phát triển mang trên mình đa dạng từ các nền văn hóa Á Đông như Trung Quốc, Ấn Độ đến các kiểu thiết kế cổ điển và hiện đại mang phong cách phương Tây như Pháp, Mỹ đã tạo thành các tác phẩm độc đáo từ ôn hòa đến cực đoan của kiến trúc thành phố. Đóng vai trò là trung tâm kinh tế quan trọng của quốc gia, dưới các tác động khác nhau của từng thể chế chính trị, văn hóa, xã hội trong từng thời kỳ cùng tiến trình phát triển hội nhập chung với kiến trúc hiện đại thế giới, các CTVH tại TP.HCM vẫn giữ được những nét đặc trưng bởi lòng yêu nước và tính cách hào sảng của người dân địa phương, cộng sinh với các nền văn hóa mới tạo nên các hình thái rất riêng của đô thị, khó có thể nhầm lẫn với bất cứ đô thị nào trên thế giới.



Hình 1. Quá trình phát triển kiến trúc Sài Gòn - Tp. Hồ Chí Minh [16]

**2.2. Thực trạng công tác xây dựng, bảo tồn văn hóa tại TP.HCM**

So với trung tâm TP Sài Gòn xưa được người Pháp quy hoạch vào thế kỷ XIX, trung tâm TP.HCM ngày nay thể hiện bước tiến dài của một đô thị từ dưới 500 ngàn dân đến một đô thị gần 8 triệu dân, với 930 ha bờ Tây sông Sài Gòn - bao gồm Quận 1 và một phần của ba quận lân cận (Quận 3, Quận 4, và quận Bình Thạnh), 657 ha bờ Đông sông Sài Gòn - bao gồm Thủ Thiêm của Quận 2. Các nghiên cứu chiến lược bảo tồn và phát triển khu Trung tâm TP.HCM giúp cho việc phát triển trung tâm được đồng bộ và thống

nhất về mặt chiến lược, đồng thời cung cấp một điển cứu có ích khi suy xét các thách thức và vấn đề quy hoạch ở các khu trung tâm đô thị khác tại Việt Nam. Trong đó, đồ án Quy hoạch khu Trung tâm bờ Tây của TP.HCM, khu vực trung tâm hiện hữu quan trọng nhất của cả thành phố được giao cho công ty Nikken Sekkei (Nhật Bản) thực hiện. Đồ án đã triển khai xây dựng quy hoạch chi tiết 1/2000 và quy chế quản lý đô thị cấp 2, gồm 5 phân khu. [8]

Đây được xem là một trong những nghiên cứu cụ thể cho công tác xây dựng, bảo tồn những giá trị hiện hữu của kiến trúc đô thị trên địa bàn TP.HCM. Trung tâm đô thị là nơi biểu trưng rõ nét nhất các vấn đề tồn tại ở đô thị đó, vậy nên, các CTVH trong phạm vi khu vực 930ha nghiên cứu thực hiện khảo sát sẽ mang tính khách quan và đại diện cho toàn thể các CTVH tại TP.HCM. Tổng hợp vị trí và thời gian xây dựng các CTVH trong khu vực lõi trung tâm đô thị nhận thấy có tổng cộng 22 CTVH thuộc 5 thể loại hiện đang tồn tại. Trong đó thể loại *Bảo tàng* chiếm số lượng nhiều nhất với 10 công trình; *Di tích lịch sử* và *Thư viện* mỗi thể loại có 1 công trình; *Trung tâm văn hóa* có 7 công trình; và *Nhà hát* có 3 công trình. Các công trình chủ yếu tập trung ở phân khu 2 - khu Trung tâm Văn hóa lịch sử. Thông qua khảo sát, nhóm các CTVH cùng thể loại, xác định bối cảnh hình thành của công trình để thấy sự tương đồng và thay đổi hình thức từ lúc hình thành công trình cho đến hiện tại và diễn biến chức năng của các công trình qua từng thời kỳ. Giúp nghiên cứu khái quát được thực trạng các CTVH hiện hữu tại TP.HCM, thuận lợi cho việc nhận định và phát triển các khía cạnh VNS cần có. (Hình 2)

**3. CƠ SỞ LÝ LUẬN KHOA HỌC**

**3.1. Cơ sở xác định yếu tố cấu thành công trình kiến trúc văn hóa**

Bài viết tiếp cận *hình thái học* để tách lớp hình thái, cấu trúc của đối tượng vật chất và suy ra tính chất, ý nghĩa của chúng. Nghiên cứu hình thái cho phép phân tích các thành phần của công trình bao gồm: hình dáng, kích thước, màu sắc, vật liệu, cấu trúc, bố trí các yếu tố vật chất trong và ngoài công trình để làm rõ yếu tố hình thức và công năng sử dụng. Điều này có ý nghĩa nhất định đến tiến trình phát triển chung của cả đô thị.

Mỗi kiến trúc văn hóa đều được coi như là một bộ phận cấu thành nên đặc trưng của đô thị, vậy nên phân tích hình thái (*morphological analysis*) là phương pháp nghiên cứu hình thức của kiến trúc - đô thị dưới góc độ văn hóa trong sự biến đổi theo thời gian.

**3.2. Yếu tố chức năng trong CTVH**

Đúc kết từ các Nguyên lý thiết kế [10], [11], [12] và Tiêu chuẩn TCVN 9365:2012 - *Nhà văn hóa thể thao* hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản để thiết kế, căn cứ vào tính chất, chức năng sử dụng và quy mô công trình. Cấu trúc không gian chức năng chung của các thể loại CTVH xác định bởi 5 chức năng chính sau: (1) Dịch vụ công cộng; (2) Trưng bày - Triển lãm; (3) Sinh hoạt - Biểu diễn; (4) Học tập - Nghiên cứu; (5) Khác: những không gian thiết kế thích ứng linh hoạt, sử dụng cho các hoạt động khác nhau.

Mức độ sử dụng của 5 chức năng trên là không đồng đều. Tùy thuộc vào từng thể loại công trình có thể thêm, bớt hoặc gia giảm quy mô của các thành phần chức năng nổi bật, đáp ứng số lượng người sử dụng sao cho phù hợp.

**3.3. Cơ sở xác định tiêu chí đánh giá VNS trong kiến trúc - văn hóa**

VNS của một công trình kiến trúc có thể coi là cách mà những yếu tố có trong công trình ảnh hưởng đến cảm nhận và nhận thức của người sử dụng. Bằng cách thực hành phân tích yếu tố vật chất thông qua hình thái khác nhau trong môi trường đô thị và môi

trường tự nhiên sinh thái sẽ suy ra được ý nghĩa và tác động mang “tinh” VNS. Trên phương diện lý thuyết tổng quát, bất cứ một công trình kiến trúc - văn hóa nào cũng cần có yếu tố vật chất - kỹ thuật; yếu tố công năng (hay chức năng sử dụng) và yếu tố hình tượng nghệ thuật kiến trúc. [12] Ba yếu tố trên có thể tùy theo mục đích, tính chất, đặc điểm của công trình mà có những yêu cầu cao thấp khác nhau.























Ứng với các yếu tố cần phân tích, phát triển tiêu chí đánh giá kiến trúc VNS sẽ căn cứ vào sơ đồ hình dung “*Các yếu tố xác định không gian / địa điểm*” [16] để phân tích hình thái kiến trúc và những phạm vi không gian rộng lớn hơn xung quanh qua các giá trị *Vật chất - Hình thức, Hoạt động - Chức năng và Ý nghĩa - Giá trị*

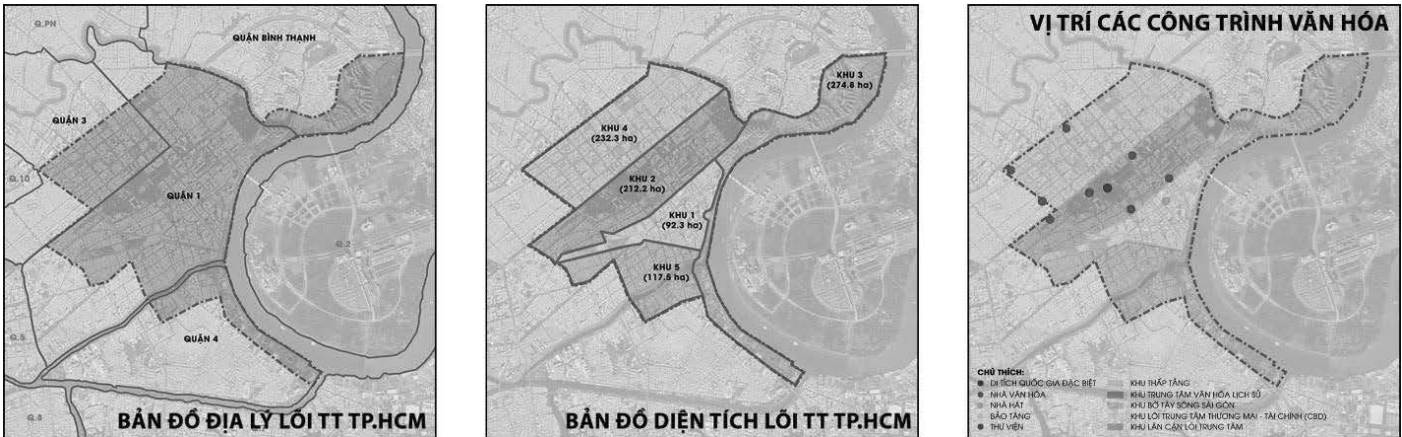
*tinh thần* đối con người ở mỗi địa phương, nơi chốn khác nhau. (Hình 3)

- VNS trong yếu tố *Vật chất - Hình thức* của kiến trúc: được xác định qua việc hiểu nguồn gốc các chuẩn mực và tiêu chí về cái đẹp qua hình thức từng thời kỳ kiến trúc truyền thống, hiện đại và đương đại.

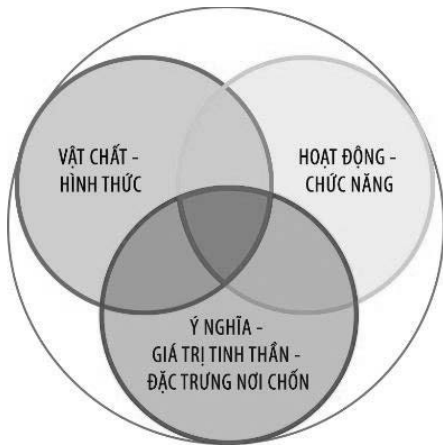
- VNS trong yếu tố *Hoạt động - Chức năng* của kiến trúc: chỉ ra các đặc điểm chủ nghĩa công năng và mối quan hệ giữa hình thức và công năng; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng.

- VNS trong yếu tố *Ý nghĩa - Giá trị* tinh thần của kiến trúc: xác định thông qua các yếu tố mang tính biểu tượng có trong không gian kiến trúc tác động vào nhận thức của con người.

CÔNG TRÌNH		THỂ LOẠI DI TÍCH LỊCH SỬ, THƯ VIỆN, NHÀ VĂN HÓA, NHÀ HÁT				
GIAI ĐOẠN						
GIAI ĐOẠN 1859 – 1954						
GIAI ĐOẠN 1954 – 1975						
GIAI ĐOẠN 1975 – 1990s						
GIAI ĐOẠN 1990s – NAY						
CÔNG TRÌNH		THỂ LOẠI BẢO TÀNG				
GIAI ĐOẠN						
GIAI ĐOẠN 1859 – 1954						
GIAI ĐOẠN 1954 – 1975						
GIAI ĐOẠN 1975 – 1990s						
GIAI ĐOẠN 1990s – NAY						



Hình 2. Sơ lược quá trình hình thành phát triển và vị trí các CTVH tại trung tâm 930 ha T.P.HCM [Nguồn: Tác giả]



Hình 3. Các yếu tố xác định không gian/ địa điểm [16]

### 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến VNS trong công trình kiến trúc văn hóa tại Sài Gòn - TP.HCM

#### (1) Đặc điểm điều kiện tự nhiên khí hậu

TP.HCM nằm ở trung tâm Nam Bộ và phía Tây Nam của vùng Đông Nam Bộ, đóng vai trò là điểm giao cắt của các tuyến đường hàng hải từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông, cùng là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á. Hệ thống kênh rạch trong và ngoài thành tương đối dày đặc, chịu sự chi phối tương đối nhiều của cảnh quan thiên nhiên vùng sông nước Nam Bộ với khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa và nắng ấm quanh năm.

#### (2) Bối cảnh lịch sử, kinh tế, văn hóa xã hội

TP.HCM trải dài hơn 300 năm, đã trải qua nhiều thay đổi. Ban đầu, khu vực này chỉ bao gồm một khu vực nhỏ có diện tích khoảng 1 km<sup>2</sup> (Chợ Sài Gòn), được gọi là Sài Gòn, nơi tập trung đông người Hoa sinh sống vào thế kỷ XVIII. Địa điểm đó tương ứng với khu Chợ Lớn ngày nay. Đô thị đóng vai trò tiên phong trong nền kinh tế của Việt Nam với đa dạng lĩnh vực như các ngành khai thác mỏ, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng, du lịch và tài chính,... với mục tiêu phát triển các lĩnh vực công nghệ cao trong tương lai.

Từ những ngày đầu hình thành, TP.HCM đã có sự tiếp xúc và giao lưu với các nền văn hóa của các dân tộc khác nhau như người Kinh, Hoa, Chăm,... và cả người phương Tây trong thời kỳ thuộc địa Âu-Mỹ. Do quá trình hình thành và phát triển của vùng đất mới chưa đủ sâu lắng và ổn định nên quá trình cộng cư đã dễ dàng tiếp nhận và tạo dựng nhiều nét văn hóa khác nhau tại TP.HCM. Với tính cách “người Sài Gòn” (có thể là đại diện cho “người Nam bộ”)

có “tính thực tế cao nhưng không bị chuyển thành sự tư lợi mà ngược lại là cơ sở cho tính cộng đồng cao, việc xã hội, “việc nghĩa” được coi là chuyên bình thường. Dễ dàng chia sẻ, đùm bọc người từ tứ xứ nhập cư.” [4] đã dung nạp, tiếp thu văn hóa từ các dân tộc khác nhưng vẫn giữ được nét văn hóa riêng của mình. Theo thống kê từ Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 01/04/2009, TP.HCM có sự đa dạng dân tộc với 54 thành phần dân tộc khác nhau, cùng người nước ngoài sinh sống. Những khu vực tập trung đông người nước ngoài và người Việt kiều sinh sống đã tạo nên điểm độc đáo khi có những khu chợ, cửa hàng, dịch vụ và món ăn đặc sản đại diện cho từng quốc gia hoặc vùng miền.

#### (3) Các pháp lý xây dựng các CTVH tại Việt Nam

- Một số pháp lý xây dựng CTVH tại Việt Nam như: Thông báo số 46/TB-UB-QLĐT; QCVN 05:2008/BXD; TCVN 4319:2012; TT 16/2013/TT-BXD; Quyết định số 3457/QĐ-UBND,...

- Hệ thống công trình dịch vụ văn hóa – xã hội trong cấu trúc không gian đô thị.

Thông qua lịch sử hình thành kiến trúc, nhận thấy VNS trong kiến trúc không xuất hiện từ lúc nó xây, mà là cả quá trình trong và sau, đã và đang phát triển để phục vụ nhu cầu người dân trong quan niệm, nhận thức từ cơ bản đến nâng cao. TP.HCM là một thành phố năng động với đa dạng văn hóa - con người. Dưới các tác động của môi trường (nguy cơ về biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng) ảnh hưởng đến thành phố hiện nay, việc xác định các yếu tố VNS trong CTVH tại đô thị với mối liên hệ các không gian xung quanh là cần thiết để thấy được các vấn đề tồn đọng trong CTVH trung tâm. Từ đó bàn luận về hướng cải tạo và mở rộng không gian để đảm bảo rằng các CTVH mang đến những giá trị nhân văn, tạo điều kiện sống tốt hơn cho người dân.

Nội dung phân tích yếu tố VNS trong CTVH trên cơ bản đã được xác định và cần nhắc lược bỏ các thành phần phụ không làm rõ đặc điểm. Tóm tắt nội dung đã trình bày, ta có được khung tiêu chí đánh giá kiến trúc văn hóa VNS ở Bảng 1.

### 4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình hệ thống các tiêu chí đánh giá yếu tố VNS, nhóm tác giả sử dụng phương pháp lịch đại và đồng đại, phương pháp điển dã, tổng hợp lý thuyết, phân tích và so sánh yếu tố VNS của các thể loại CTVH giống và khác nhau để cân nhắc đánh giá thành phần trong khung tiêu chí, đảm bảo kết quả được nhìn nhận dưới góc nhìn khách quan của người có chuyên môn trong lĩnh vực thiết kế và mang ý nghĩa thực tiễn đối với người dân tại khu vực.

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá VNS trong CTVH tại TP.HCM [Nguồn: Tác giả]

Thành phần		Tiêu chí đánh giá
Vật chất - Hình thức	Quy mô và vai trò	Khả năng phục vụ
		Khả năng cơ nới / khuôn viên
	Vị trí	Kết nối / tiếp cận (Giao thông)
		Kết nối công năng (Sử dụng đất)
	Yếu tố hình thái công trình	Bố cục mặt bằng
		Hướng
		Hình khối
		Chiều cao công trình
		Vỏ bao che
		Công nghệ xây dựng / Vật liệu xây dựng
Không gian cảnh quan	Thẩm mỹ	
	Công năng	
	Chất lượng	
Hoạt động - Chức năng	Kinh tế	Hoạt động ảnh hưởng kinh tế
	Chức năng CTVH	Chức năng theo tiêu chuẩn Công trình văn hóa (5 thể loại)
Ý nghĩa - Giá trị tinh thần - Đặc trưng nơi chốn	An toàn và an ninh	
	Thân quen (Biểu tượng)	

**(1) Nhóm yếu tố Hình thức - Vật chất** (được chia thành 2 phần)

Sử dụng các nguyên tắc thiết kế đô thị cho thành phần “Quy mô và vai trò” và “Vị trí” để đánh giá những yếu tố rộng hơn của cấu trúc không gian đô thị:

- **Quy mô và vai trò** quan tâm đến *khả năng phục vụ* người dân theo quy mô cấp công trình, đáp ứng tối đa số lượng người trong khả năng càng nhiều đánh giá càng cao. *Khả năng cơ nới* để tăng quy mô phục vụ cũng là một yếu tố làm tăng giá trị VNS trong tương lai mở rộng của công trình. Việc gia tăng quy mô có thể 2 phương: Phương ngang = tăng, mật độ xây dựng (MĐXD) và phương đứng (tăng tầng cao, bao gồm tầng hầm).

+ Khả năng mở rộng theo phương ngang: phụ thuộc vào (i) vị trí công trình so với khu đất và (ii) mật độ xây dựng hiện hữu so với mật độ tối đa cho phép đối với CTVH trong đô thị TP HCM ( $\leq 40\%$  theo QCVN 01:2021/BXD). Thông thường, công trình nằm lệch về một phía của khu đất có khả năng thực hiện cơ nới tốt hơn khi khu vực cơ nới tập trung có diện tích lớn và thi công thuận lợi.

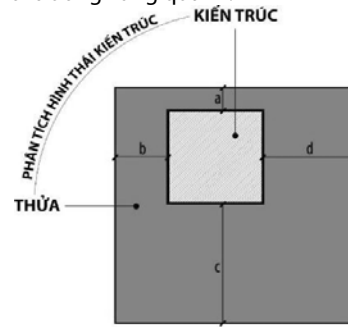
+ Trong trường hợp các công trình với MĐXD đã xấp xỉ 40% thì xác định khả năng có thể mở rộng theo phương đứng: bằng cách xây dựng hầm hoặc nâng tầng công trình. Đối với tiến bộ của khoa học công nghệ trong xây dựng hiện nay và trong tương lai, đều có thể cho phép thực hiện điều này mà không làm ảnh hưởng đến công trình hiện hữu.

+ Ngoài ra, khả năng mở rộng hoặc tăng quy mô công trình còn phụ thuộc vào vị trí công trình trong mối quan hệ với không gian đô thị xung quanh, bao gồm liên hệ về tiếp cận, sử dụng đất và cảnh quan xung quanh.

- **Xét về vị trí tiếp cận tới khu đất:** khả năng kết nối và tiếp cận với công năng của các không gian công cộng và công trình công cộng khác thông qua 4 hình thức giao thông thường sử dụng trong trung tâm đô thị gồm: giao thông cơ giới, giao thông bộ (cá nhân), giao thông thủy và giao thông công cộng (các trạm xe buýt và trạm metro). Khả năng kết nối giao thông càng đa dạng và thuận tiện giá trị Nhân sinh (NS) càng cao.

- **Yếu tố hình thái công trình và cảnh quan:** Phương pháp phân tích hình thái được dùng để phân tích kiến trúc cho thành phần “Hình thái công trình” và “Không gian cảnh quan”, đánh giá giá trị các yếu tố thuộc thửa xây dựng công trình (Plot) (Hình 4) gồm:

công trình, khuôn viên, các không gian sinh hoạt,... và đóng góp của nó cho môi trường xung quanh.



Ghi chú: Khoảng cách a, b, c, d của công trình là không cố định

**Hình 4.** Giá trị các yếu tố giữa công trình kiến trúc và khu đất [Nguồn: Tác giả]

+ **Hình thái công trình**

Bố cục mặt bằng, hình khối công trình đều được đánh giá dựa trên sự quan tâm đến các vấn đề thích ứng và về cải thiện vi khí hậu tại khu vực. Bố cục mặt bằng của công trình phải được thiết kế sao cho *phù hợp với đặc điểm địa hình và khả năng tương tác với môi trường*. Hướng, hình khối và chiều cao của công trình ảnh hưởng đến sự tương đồng về hình khối và phong cách kiến trúc với các công trình và không gian công cộng xung quanh. Xem xét các hướng cửa sổ, cửa ra vào, và hướng nhìn của công trình để tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên, hướng gió và tầm nhìn. Giảm thiểu sự tiêu tốn năng lượng và tạo ra một môi trường sống và làm việc thoáng đãng thoải mái cho người sử dụng.

Vỏ bao che và công nghệ vật liệu xây dựng là thành phần quan trọng để xác định ngôn ngữ kiến trúc và tạo ra sự thống nhất về mặt hình thái khu vực. Công trình *sử dụng các vật liệu xanh và bền vững*, có khả năng cách nhiệt và cách âm tốt giúp cải thiện hiệu suất năng lượng và đóng góp vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường, gắn kết với cộng đồng và tạo ra giá trị bền vững cho thành phố.

+ **Không gian cảnh quan** cần đảm bảo yếu tố thẩm mỹ, công năng và chất lượng. Đánh giá mức độ hài hòa, tương tác và chất lượng không gian cảnh quan đối với môi trường xung quanh.

**(2) Nhóm yếu tố Hoạt động - Chức năng**

Đánh giá dựa trên mức độ *đa dạng không gian chức năng* và sự ảnh hưởng của hoạt động diễn ra bên trong, bên ngoài công trình thu hút được sự tham gia của cộng đồng. Xem xét chức năng văn hóa của công trình đó có những đóng góp gì trong việc gìn giữ, phát huy, quảng bá các giá trị văn hóa địa phương; hướng đến việc xây dựng công trình cho người dân tại khu vực nhưng không giới hạn thành phần, giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia. Các công trình có cùng thể loại (cùng chức năng) sẽ cần nhắc khi đánh giá.

**(3) Nhóm yếu tố Ý nghĩa - Giá trị tinh thần - Đặc trưng nơi chốn**

Mang tính cảm quan của nhóm tác giả trong quá trình thực hiện khảo sát các công trình và thông qua ý kiến chuyên gia. Đánh giá dựa trên cảm giác an toàn, được bảo vệ khi tham gia vào các không gian công trình và mức độ quen thuộc của công trình dưới lăng kính “VNS đương đại” tại TP.HCM.

Ba nhóm yếu tố *Vật chất - Hình thức, Hoạt động - Chức năng, Ý nghĩa - Giá trị tinh thần* sẽ không so sánh với nhau xem yếu tố nào chiếm tỷ trọng nhiều hơn vì ba nhóm được hình thành dựa trên sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau nên cả ba sẽ có giá trị tương đương nhau về mặt ý nghĩa. Kết quả đạt được sau khi đánh giá các thành phần cụ thể có trong khung tiêu chí sẽ thể hiện mức độ ít - nhiều VNS trong công trình. Mặc dù là CTVH nói chung nhưng công trình VNS chỉ mang lên so sánh khi nó có cùng thể loại với nhau.

### 5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở rà soát 22 công trình văn hóa trong khu vực trung tâm TP.HCM, nghiên cứu xác định 07 CTVH mang tính đại diện cho 5 thể loại công trình văn hóa bao gồm: Di tích lịch sử - Dinh Độc lập (1962); Thư viện Khoa học Tổng hợp (1967); Viện trao đổi văn hóa Pháp - IDECAF (1982); Nhà hát TP.HCM (1898); Bảo tàng Lịch sử TP.HCM (1929); Bảo tàng Mỹ thuật TP.HCM (1987); Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (2002). Áp dụng khung tiêu chí VNS vào từng công trình, nhóm tác giả nhận thấy một vài điểm như sau (xem Hình 5):

- Nhóm VNS *Hình thức - Vật chất* công trình Dinh Độc lập đáp ứng được nhiều tiêu chí VNS và ngược lại, Nhà hát TP.HCM lại ít VNS nhất trong các công trình. Tuy nhiên, đối với nhóm *Ý nghĩa - Giá trị tinh thần - Đặc trưng nơi chốn* thì 2 công trình lại mang giá trị VNS tương đương nhau. Điều này cho thấy, ta không thể xác định rằng công trình này VNS hơn công trình kia, mà chỉ có thể nhận định rằng nhóm yếu tố VNS nào có sự hiện diện lớn hơn trong từng công trình. VNS không chỉ dựa trên *Hình thức - Vật chất* hay *Hoạt động - Chức năng* của công trình mà còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố về không gian, thời gian và con người trong khu vực tạo nên đặc trưng nơi chốn của thành phố.

- Nhóm VNS *Hoạt động - Chức năng*, Dinh Độc lập vẫn đáp ứng được nhiều tiêu chí VNS nhất; Nhà hát TP.HCM ít nhất. Bảo tàng Chứng tích chiến tranh chiếm giá trị cao nhất trong 3 công trình cùng thể loại; Bảo tàng Mỹ thuật thấp nhất; tuy nhiên nhóm VNS *Vật chất - Hình thức* của bảo tàng Chứng tích Chiến tranh lại thấp nhất trong 3 công trình (cao nhất là Bảo tàng Lịch sử TP.HCM).

Ở các trường hợp như Nhà hát TP.HCM hay Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (trong cùng thể loại), ta thấy sự chênh lệch giữa các nhóm VNS khi công trình đáp ứng tốt trong nhóm yếu tố này nhưng lại thiếu VNS trong nhóm yếu tố khác. Điều này hoàn toàn có thể xảy ra. Bảo tàng Mỹ thuật là một ví dụ cho thấy tuy công trình có ý nghĩa về mặt lịch sử, được chỉ định là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp thành phố nhưng không tránh khỏi những ảnh hưởng về dây chuyển hoạt động khi chuyển đổi chức năng từ nhà ở tư nhân sang các chức năng cần đáp ứng của một bảo tàng.

Để hướng tới một kiến trúc văn hóa vì con người, việc cải thiện giá trị của các nhóm yếu tố là cần thiết. Đối với các công trình đã tồn tại, cải tạo và nâng cấp là một lựa chọn để tăng yếu tố VNS. Bằng cách cải tạo cơ sở vật chất, thiết kế mới cải thiện không gian hoặc tăng cường các hoạt động chức năng phù hợp, công trình sẽ trở nên đáng sống và phù hợp hơn với nhu cầu của cộng đồng. Trong quá trình cải tạo, xây mới các khu chức năng cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo rằng việc thực hiện không ảnh hưởng quá mức vào hình thức và chức năng hiện có, đảm bảo bảo tồn và cải thiện đồng thời. (Hình 6)

### 6. BÀN LUẬN

Nhìn chung, các CTVH phần lớn xây dựng trong bối cảnh giai đoạn kiến trúc Hiện đại tại SG - TP.HCM theo kết quả đánh giá là những công trình đạt giá trị cao ở cả 3 nhóm yếu tố VNS nhưng đứng ở khía cạnh kiến trúc để bàn luận cũng có những điểm cần cải thiện. Thay đổi thẩm mỹ hình thức hay những không gian chức năng chưa phù hợp để tăng VNS ở các công trình hiện hữu.

- **Dinh Độc lập** là công trình được đánh giá có nhiều yếu tố VNS ở hầu hết các tiêu chí.

Nằm trên khu đất rộng lớn 12 ha với mật độ xây dựng thấp (~3.75%), vị trí công trình chính ở giữa khuôn viên, do vậy, khả năng mở rộng trong tương lai là hoàn toàn khả thi.

Hiện nay, không gian xanh xung quanh công trình dinh được chăm sóc khá tốt, có giá trị môi trường và thực vật học. Tuy nhiên, cần xem xét tổ chức cải thiện khu vực bãi giữ xe cho khách và nhân viên cũng như các công trình dịch vụ (quán cà phê - nhà hàng và căn-tin). Hiện tại, khu vực giữ xe có phần hơi "tạm bợ" khi xe được đậu trên bãi cỏ mà không có đường ranh giới cụ thể, làm ảnh hưởng đến tổng thể không gian văn hóa tiêu biểu của thành phố. Những thay đổi này sẽ mang lại lợi ích không chỉ về mặt thẩm mỹ mà còn tạo ra một môi trường thiên nhiên gần gũi hơn cho người dân.

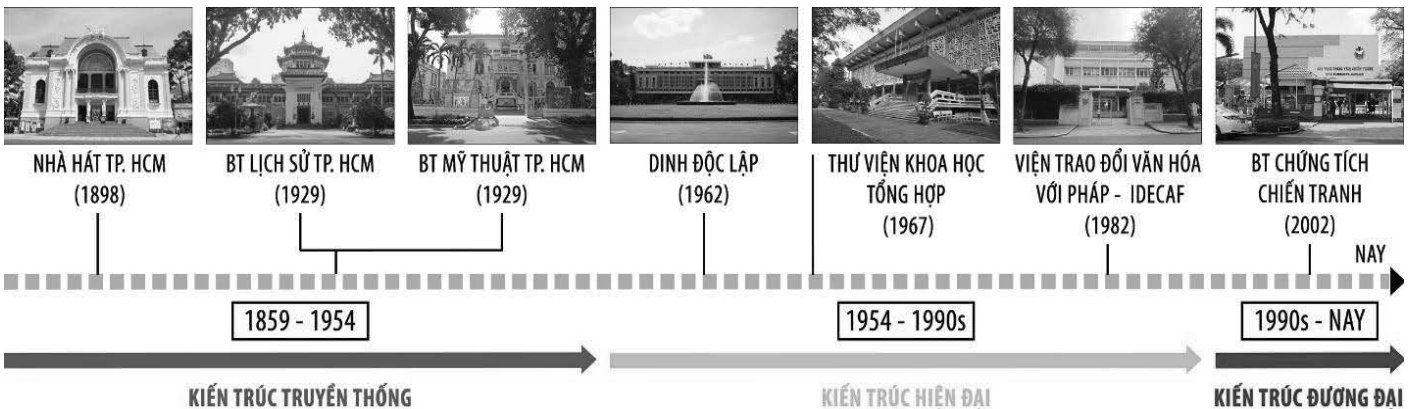
- **Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.HCM** cũng là công trình có các nhóm giá trị VNS tương đối lớn nhờ vào các giải pháp kiến trúc thích nghi với điều kiện khí hậu nhiệt đới và tạo hình sáng tạo, khéo léo thể hiện nét văn hóa truyền thống Việt Nam.

Với hiện trạng công trình và khu đất hiện nay, khả năng mở rộng quy mô công trình chỉ còn khoảng 7% (9720 m2) trên diện tích khu đất. Sân vườn hiện nay tận dụng làm bãi giữ xe ngoài trời và một số hạng mục kiến trúc tạm thời như cà phê sách, cho thuê gian hàng, v.v.

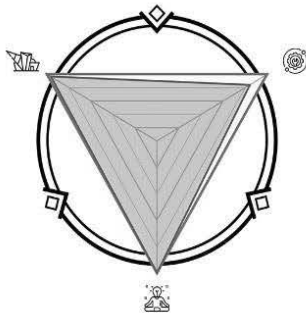
Để tăng diện tích sử dụng đồng thời đảm bảo việc bảo tồn công trình này, việc coi nới theo chiều đứng, đặc biệt khai thác không gian ngầm là cần thiết và khả thi nhờ các giải pháp công nghệ xây dựng tiên tiến. Cảnh quan trên mặt đất cũng cần gia tăng mật độ cây xanh trên bề mặt, tạo thêm không gian cho các hoạt động chức năng trong khuôn viên và tăng cường diện tích thấm thấu cho công trình.

- **Nhà hát TP.HCM** là một trường hợp bất ngờ về giá trị các nhóm yếu tố VNS. Dưới góc độ giá trị kiến trúc, đây là một trong những công trình di sản mang *tính biểu tượng* của Sài Gòn - TP.HCM. Tuy nhiên, dưới lăng kính VNS, đây là công trình có ít yếu tố VNS nhất trong 07 CTVH được phân tích, đánh giá:

- Khi người Pháp tiến hành xây dựng công trình có phần áp đặt mô hình điển hình có sẵn ở 1 quốc gia Phương Tây, phù hợp với khí hậu, văn hóa Phương Tây. Do vậy, có những hạn chế nhất định trong bối cảnh địa phương tại Sài Gòn thời điểm đó.



Hình 5. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển 07 CTVH [Nguồn: Tác giả]



**CHÚ THÍCH:**

- Vật chất - Hình thức
- Hoạt động - Chức năng
- Ý nghĩa - Giá trị tinh thần
- Đặc trưng nơi chốn

Yếu tố VNS trong CTVH	Thành phần	Điểm
Vật chất - Hình thức (83 / 85)	Quy mô và vai trò	20 / 20
	Vị trí	12 / 14
	Hình thái công trình	36 / 36
	Không gian cảnh quan	15 / 15
Hoạt động - Chức năng (48 / 56)	Kinh tế	18 / 20
	Chức năng CTVH	30 / 36
Ý nghĩa - Giá trị tinh thần - Đặc trưng nơi chốn (10 / 10)	An toàn và an ninh	5 / 5
	Thần quen (Biểu tượng)	5 / 5

**Vật chất - Hình thức**

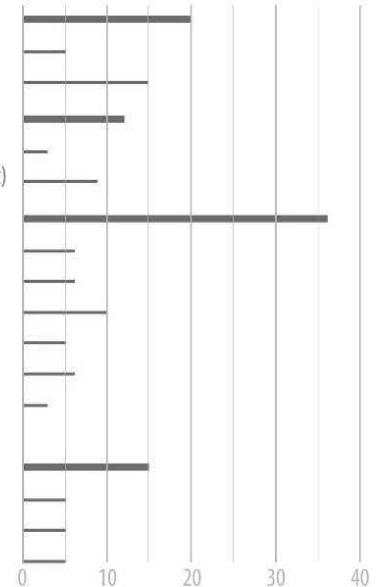
- Quy mô và vai trò
  - Khả năng phục vụ
  - Khả năng cơ nổi / Khuôn viên
- Vị trí
  - Kết nối / Tiếp cận (Giao thông)
  - Kết nối công năng (Sử dụng đất)

**Hình thái công trình**

- Bố cục mặt bằng
- Hướng
- Hình khối
- Chiều cao công trình
- Vỏ bao che
- Công nghệ xây dựng / Vật liệu xây dựng

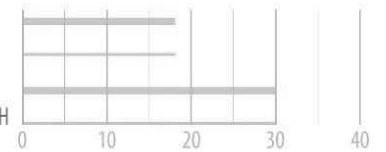
**Không gian cảnh quan**

- Thẩm mỹ
- Cây xanh
- Mặt nước



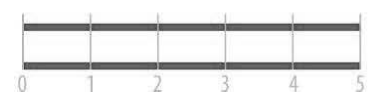
**Hoạt động - Chức năng**

- Kinh tế
  - Hoạt động ảnh hưởng kinh tế
- Chức năng CTVH
  - Chức năng theo tiêu chuẩn CTVH

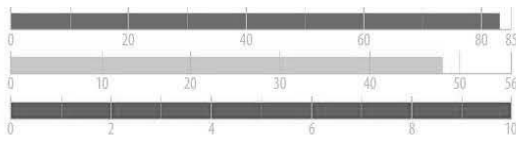


**Ý nghĩa - Giá trị tinh thần - Đặc trưng nơi chốn**

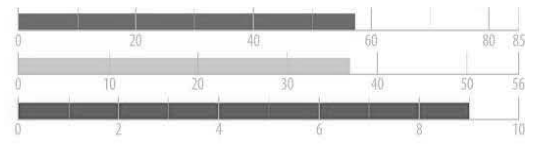
- An toàn và an ninh
- Thần quen (Biểu tượng)



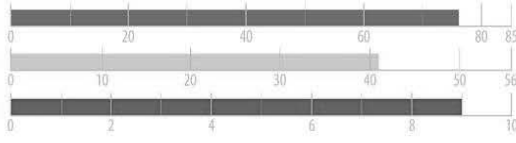
DINH ĐỘC LẬP



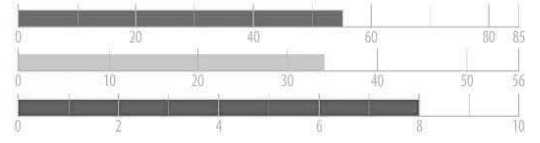
BT LỊCH SỬ TP.HCM



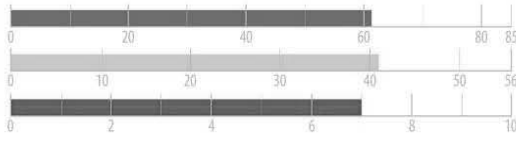
THƯ VIỆN KHTH TP.HCM



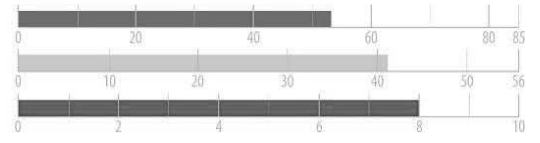
BT MỸ THUẬT TP.HCM



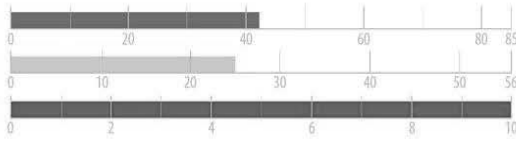
IDECAF



BT CT CHIẾN TRANH



NHÀ HÁT TP.HCM



**CHÚ THÍCH:**

- VẬT CHẤT HÌNH THỨC
- HOẠT ĐỘNG - CHỨC NĂNG
- Ý NGHĨA - GIÁ TRỊ TINH THẦN - ĐẶC TRƯNG NƠI CHỖN

**Hình 6.** Biểu đồ tổng hợp giá trị yếu tố VNS trong 07 công trình văn hóa [Nguồn: Tác giả]

- Hình thức vây bọc công trình bằng các con đường kiểu quảng trường đô thị Phương Tây, làm hạn chế không gian chuyển tiếp giữa công trình và không gian công cộng đô thị. Với quy mô khá khiêm tốn hiện nay, việc coi nới mở rộng công trình đáp ứng nhu cầu mới là không thể.

- **Bảo tàng Mỹ thuật TP.HCM** tiền thân là một công trình nhà ở (Nhà Chúa Hòa), ngay từ lúc hình thành công trình, **Bảo tàng Mỹ thuật TP.HCM** đã không mang chức năng cần có theo đúng quy định thiết kế của một bảo tàng. Mặc dù được đánh giá là công trình với sự kết hợp giữa các nét đẹp truyền thống Đông - Tây, có giải pháp thích ứng khí hậu như thiết kế giếng trời giữa công trình để cải thiện vi khí hậu và luôn tràn ngập ánh sáng, mái ngói âm dương giảm nhiệt,... thì chức năng gốc vẫn là dùng để phục vụ các nhu cầu của cá nhân hơn là của cộng đồng. Vậy nên sau khi *chuyển đổi chức năng*, công trình này đã gặp khá nhiều hạn chế trong tổ chức dây chuyền hoạt động cũng như quy mô phục vụ.

Với nỗ lực cải thiện không gian chức năng trong những năm gần đây, bảo tàng đã có những bước tiến cần được ghi nhận. Khuôn viên cảnh quan bên ngoài đã cho lát gạch và trồng thêm cây cảnh, bố trí ghế ngồi nghỉ ngơi dọc lối đi giữa các khối công trình, xây thêm khu dịch vụ (ăn uống - giải khát) bên góc khu đất, gần tòa nhà xa nhất tính từ lối vào cổng tham quan nhưng lại gần nhất cho du khách sau khi tham quan toàn bộ ba khối nhà của bảo tàng,... Mặt bằng tổng thể ở dạng phân tán đã được quy định nội dung trưng bày cụ thể từ cổ đại đến hiện đại ở từng khối nhà giúp người thưởng lãm dễ dàng xác định được không gian mà mình muốn tham gia. Ở không gian bên trong, các vách ngăn không gian sau cải tạo đã có phân hợp lý hơn, các vật phẩm trưng bày không còn để tràn lan dưới đất như lúc mới hình thành mà được đặt để trang trọng ở các phòng có bằng tên cụ thể, sắp xếp theo chủ đề từng thời kỳ nhất định. Trong tương lai có thể cần nhắc xây dựng hầm để diện tích bãi giữ xe hiện hữu làm không gian cảnh quan, tạo thẩm mỹ cho công trình hơn.

- **Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh** mang *chức năng gốc* từ ban đầu là một công trình được Nhà nước cho xây dựng dựa trên nhu cầu trưng bày hiện vật còn sót lại sau các cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Việc bố trí công trình - gắn sát về một cạnh của khu đất đường như đã được dự kiến cho khả năng phát triển mở rộng ở các giai đoạn tiếp theo trong tương lai.

- Về chức năng, dây chuyền tham quan khá hợp lý, các hoạt động trong công trình diễn ra gần như liên tục bởi sự tham gia đồng đều của khách tham quan (chủ yếu là khách du lịch nước ngoài).

- Về hình thức, đường nét ngôn ngữ hoành tráng, mạnh mẽ, vỏ bao che đóng kín của bảo tàng chưa thật sự gần gũi với người dân địa phương.

- Để tăng cường VNS trong hình thức công trình, các thiết kế ở giai đoạn tiếp theo nên chú ý "cài cắm" thêm một số nét đặc trưng văn hóa Việt Nam ở vỏ bao che công trình hoặc trong không gian cảnh quan khuôn viên để có thể quảng bá những nét đẹp của dân tộc Việt Nam đến với đông đảo bạn bè quốc tế.

Từ những biểu hiện của kiến trúc - đô thị ở các giai đoạn khác nhau, trong mối quan hệ có tính biện chứng giữa chúng, VNS sẽ có những chuẩn mực và tiêu chí khác nhau về cái đẹp đi cùng với chức năng, không gian sử dụng trong từng thời kỳ. Qua thời gian, các công trình trên quan điểm tiếp nối đã có những giải pháp bảo tồn và phát triển mới, nhìn nhận cởi mở hơn về sự đa dạng trong văn hóa truyền thống. Văn hóa là vốn quý báu của mỗi quốc gia nhưng không vì nó mà bị lệ thuộc, câu nệ, không dám tìm ra hướng đi mới trong nhận thức và tư duy. Những cải tiến này giúp

định hình và bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống trong CTVH không bị mai một nhưng vẫn có khả năng biến đổi linh hoạt để thích nghi với thời đại, giải phóng các tiềm năng kinh tế, văn hóa khu vực và bền vững trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Đoàn Thanh Hà (2022), *Nhà cửa & con người*, NXB Tri thức, Hà Nội.
2. Vũ Đại Hải, Trịnh Duy Anh, Lê Thanh Sơn (2002), *25 năm kiến trúc TP.HCM*, Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM.
3. Vũ Thị Hồng Hạnh (2021), *Giới thiệu về thiết kế đô thị*, Hội Kiến trúc sư TP.HCM.
4. Nguyễn Thị Hậu (2019), *Đô thị Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh - Khảo cổ học và bảo tồn di sản*, NXB Tổng hợp TP.HCM.
5. Trần Ngọc Khánh (2018), *Văn hóa Đô thị*, NXB Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đoàn Minh Khôi (2016), *Đọc & hiểu Kiến trúc*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
7. Đoàn Minh Khôi (2017), *Hình thái học Đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
8. Ngô Viết Nam Sơn (2013), Quy hoạch khu trung tâm đô thị đặc biệt tại Việt Nam, Báo Xây dựng, <https://ashui.com/mag/chuyenmuc/quy-hoach-do-thi/8391-quy-hoach-khu-trung-tam-do-thi-dac-biet-tai-viet-nam.html>, truy cập ngày 12/10/2022.
9. Lê Thanh Sơn (2019), *Biểu tượng và không gian kiến trúc - đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
10. Tạ Trường Xuân (1999), *Nguyên lý thiết kế Kiến trúc*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
11. Tạ Trường Xuân (2006), *Nguyên lý thiết kế Bảo tàng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
12. Tạ Trường Xuân (2009), *Nguyên lý thiết kế Thư viện*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
13. Bộ Xây dựng (2009), "Hệ thống công trình văn hóa - xã hội trong cấu trúc không gian đô thị", Tiêu chuẩn Xây dựng, số 10/2009, <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1145/51831/he-thong-cong-trinh-van-hoa--xa-hoi-trong-cau-truc-khong-gian-do-thi.aspx>, truy cập ngày 29/01/2023.

### Tài liệu tiếng Anh

14. Christopher Alexander, Ishikawa Sara, Silverstein Murra (1977), *A Pattern Language*, New York, NY: Oxford University Press.
15. Jencks Charles, Bunt Richard, Broadbent Geoffrey (1980), *Signs, Symbols and Architecture*, John Wiley, New York, USA.
16. Hai Thanh Truong, Thi Hong Hanh Vu (2018), *Modern architecture of Saigon - Ho Chi Minh City*, MATEC Web of Conferences 193, 04004 (2018) ESCI 2018.
17. Jan Gehl (2010), *Cities for People*, Island Press, 1718 Connecticut Ave., NW, Suite 300, Washington, DC 20009.